

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01-4-2024
V/v: “Ly hôn và tranh chấp
nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Cường.
- Bà Trịnh Thị Kim Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Ngày 01 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2024việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T năm: 1995; Địa chỉ: Số nhà D, Ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh(Có đơn xin xét xử vắng mặt).
- Bị đơn: Ông Trần Anh K năm: 1994; Địa chỉ: Số nhà B, Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An(Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Kim T1 đơn xin xét xử vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2023, biên bản hòa giải ngày 22/02/2024 đã trình bày như sau:

Bà và ông Trần Anh K1 đình hai bên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Long An Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 10/2014 ngày 24/02/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống chung nhà cha mẹ chồng tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông K2 bạc, không lo làm ăn, không chăm lo cuộc sống gia đình, gia đình hai bên đều hàn gắn khuyên ngăn ông K3 nhưng không có kết quả từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi. Do đó, từ tháng 01 năm 2023 bà đã mang con về nhà mẹ ruột sinh sống và ly thân với ông K4 đến nay.

Nhận thấy nguyên nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nay bà yêu cầu được ly hôn với ông K

Về con chung: Bà và ông Trần A K01 con chung tên Trần A Dsinh ngày 06/01/2015, hiện cháu D với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông Kcấp d nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn, ông Trần Anh K6 mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Kim T2 ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Trần Anh K7 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do ông K8 cư trú tại xã L, huyện C, tỉnh Long An vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ngày 22/02/2024, bà T3 đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án đã không tổ chức tiến hành hòa giải giữa các đương sự theo quy định tại khoản 4 Điều 207, khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông K9 không có lý do, đồng thời nguyên đơn cũng làm đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim Tông Trần A1 Klap hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Long An giấy chứng nhận kết hôn số 10/2014, ngày 24/02/2014 là hôn nhân hợp pháp. Bà T2 được ly hôn với ông K4 rằng ông K2 bạc, không lo làm ăn, không chăm lo cuộc sống gia đình. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về cấp tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự các thông báo về việc thụ lý vụ án, về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử cho ông K10 ông K11 ý kiến gì và vắng mặt không lý do. Điều này chứng minh ông K12 quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Tông K13 cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà T4 K01 con chung tên Trần A1 Dsinh ngày 06/01/2015, hiện cháu D với bà TBà Tcầu được tiếp tục nuôi cháu D1 yêu cầu ông K14. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: *“... Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con... sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ 07 tuổi trở lên thì xem xét nguyện vọng của con...”*. Tại nội dung đơn nguyện vọng ngày 15/12/2023 của cháu D2 Dnguyện vọng sống chung với mẹ, đồng thời hiện tại cháu D3 sống với bà TDo đó, vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, học tập và sinh hoạt hàng ngày của cháu DHội đồng xét xử quyết định giao cháu D4 bà T5 nuôi dưỡng. Do bà T6 cầu ông Kcấp d nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kim T7 định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim T8 không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T9 chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271; 273, 278 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51; 56; 57, 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T10 yêu cầu ly hôn với ông Trần A1 K

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Kim T11 với ông Trần A1 K

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim T12 con Trần A1 Dsinh ngày 06/01/2015, ông Trần Anh K15 phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng cho con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim T13 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 9955, ngày 15/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước, tỉnh Long An. Bà T14 nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đước;
- CC THA DS huyện Cần Đước;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Dũng